

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠI TỪ  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST

Ngày: 15 - 5 - 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Ngọc Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Quang Huyền

2. Ông Nguyễn Việt Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Anh Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2020/TLST-HS ngày 26/3/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T, sinh ngày 23/12/1996 (tên gọi khác: Không).

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm Y, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông: Phạm Văn L, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972, đều làm ruộng tại xóm Yên Thái, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 25/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Tại QĐ số 06/QĐ-XPHC ngày 11/4/2013 của UBND xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn T 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

**- Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986 (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

mặt)

Địa chỉ: Xóm Y, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan** : Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: TDP A, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T là đối tượng nghiện chất ma túy, lười lao động, để có tiền tiêu xài cá nhân, trong ngày 30/11/2019 T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Buổi chiều ngày 30/11/2019 T đi lên rừng thuộc xóm Y, xã T, huyện Đại Từ chặt nửa bán, khi chặt nửa T thấy anh Nguyễn Văn V, (sinh năm 1986, trú tại xóm Đ, xã T) đang bốc gỗ lên xe ô tô tải của anh V. T quan sát thấy anh V có để 01 chiếc cửa lóc màu da cam Husqvarna 365 ở trong cabin xe ô tô tải, khoảng 18 giờ cùng ngày, T đi về nhà và ngồi chơi trước cổng nhà anh V thì thấy anh V điều khiển xe ô tô tải về nhà và đỗ ở bãi đất trống cạnh nhà anh V, còn xe ô tô tải do anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1982, trú tại xóm Đ, xã T (là anh trai ruột của anh V) điều khiển đỗ ở phía sau ngay sát đuôi xe ô tô của anh V. Sau đó anh V và anh V đi về nhà. Khoảng 30 phút sau, thấy xung quanh không có ai nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc cửa lóc của anh V đem bán lấy tiền tiêu xài. T đi đến chỗ chiếc xe ô tô tải của anh V, mở cửa bên phía ghế lái thì thấy cửa không khóa, T mở cửa xe rồi trèo lên và ngồi ở vị trí ghế lái của xe ô tô tải rồi lấy chiếc cửa lóc để ở vị trí ghế phụ, T đóng cửa xe ô tô tải lại rồi mang chiếc cửa lóc giấu vào dưới gầm xe ô tô tải của anh Viên để về nhà lấy xe mô tô mang đi bán, sau đó T đi về nhà lấy xe mô tô BKS 98M6-4631 (xe T mua của một người đàn ông không quen biết ở Hà Nội từ năm 2017, hiện T đã làm mất giấy tờ xe) đi ra nơi cất giấu chiếc cửa lóc thì thấy anh V đang ở ngoài xe kiểm tra, sợ bị phát hiện nên Tình điều khiển xe mô tô đi về hướng thị trấn H, huyện Đại Từ. T đi được khoảng 100m thì anh V đuổi theo yêu cầu T dừng lại, anh V hỏi T có lấy trộm cửa lóc không nhưng T không thừa nhận rồi tiếp tục điều khiển xe lên thị trấn H, Đại Từ chơi. Sau khi phát hiện bị mất chiếc cửa lóc, anh Vy trình báo công an xã T và tìm kiếm xung quanh thì phát hiện thấy chiếc cửa lóc ở dưới gầm xe ô tô tải của anh V.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 30/11/2019, T điều khiển mô tô BKS 98M6-4631 từ thị trấn H về nhà, khi đi đến nhà anh Nguyễn Văn H, (sinh năm 1987, trú tại xóm Y, xã T, huyện Đại Từ) T dừng xe vào nhà anh H mua thuốc lá. Khi đi vào nhà anh H thì không thấy có ai ở nhà, cửa nhà mở nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lúc này, T phát hiện dưới kệ gỗ để hàng nhà anh H có 01 chiếc cửa lóc nhãn hiệu Husqvarna 353 màu cam nên T đã lấy chiếc cửa lóc mang ra xe mô tô rồi chở lên quán sửa chữa, mua bán cửa lóc của anh Nguyễn Văn N, (sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố A, thị trấn H) cầm cố được 2.200.000 đồng, sau đó T đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn V sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo cơ quan công an đề nghị giải quyết.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như nêu trên. Lời khai của T phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản sự việc, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ. Vật chứng của vụ án là:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RS, màu sơn đỏ đen BKS 98M6-4631 (đã mất giấy tờ xe), hiện đang bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

- 02 chiếc cửa lóc màu cam, nhãn hiệu Husqvarna 353 và 365 đã qua sử dụng. Tại kết luận số 59/KL-HĐĐG ngày 07/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: 01 chiếc cửa lóc nhãn hiệu Husqvarna 353 có giá 2.000.000 đồng, 01 chiếc cửa lóc nhãn hiệu Husqvarna 365 có giá 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn N đã tự nguyện giao nộp chiếc cửa lóc nhãn hiệu Husqvarna loại 353. Ngày 17/12/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc cửa lóc trên cho anh H quản lý, sử dụng. Anh H không có yêu cầu, đề nghị gì về phần dân sự. Đối với chiếc cửa lóc của anh V, anh V đã tìm thấy chiếc cửa, do anh V phải để phục vụ sản xuất hàng ngày nên cơ quan điều tra không thu giữ.

Về phần dân sự: Anh Nguyễn Văn N yêu cầu T phải bồi thường cho anh N số tiền 2.200.000 đồng.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSĐT ngày 24/3/2020 của Viện kiểm sát nhân huyện Đại Từ đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Kết thúc phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng, đã luận tội đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 47 của BLHS năm 2015; Điều 106 và Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử phạt: Phạm Văn T từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng: T thu sung công 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, đen BKS 98M - 4631 (xe đã bị mất đăng ký) và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh tụng, bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai, bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, tại phiên tòa bị cáo không ý kiến gì. Do đó, các hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T khai nhận: Bị cáo là người nghiện ma túy đã có tiền sử dụng ma túy, bị cáo trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã trộm cắp 02 lần cụ thể:

Vụ thứ nhất: Buổi chiều ngày 30/11/2019 bị cáo đi lên rừng thuộc xóm Y, xã T, huyện Đại Từ chặt nửa bán, khi chặt nửa bị cáo thấy anh Nguyễn Văn V đang bốc gỗ lên xe ô tô tải của anh V, bị cáo quan sát thấy anh V có để 01 chiếc cửa lóc ở trong cabin xe ô tô tải, khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo đi về nhà và ngồi chơi trước cổng nhà anh V mục đích chờ xe anh Vy về để trộm cắp máy cửa lóc bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi xe ô tô của anh V đỗ ở nhà và có xe ô tô tải của anh V là em của anh V đỗ ở phía sau xe của anh V, bị cáo đi đến chỗ chiếc xe ô tô tải của anh V, mở cửa bên phía ghế lái thì thấy cửa không khóa rồi trèo lên vị trí ghế lái của xe ô tô tải lấy chiếc cửa lóc của anh V đang để ở vị trí ghế phụ, sau khi trộm cắp được cửa lóc, bị cáo đóng cửa xe ô tô tải lại rồi mang chiếc cửa lóc giấu vào dưới gầm xe ô tô tải của anh V rồi bị cáo về nhà lấy xe mô tô đi ra nơi cất giấu chiếc cửa lóc thì thấy anh V đang ở ngoài xe kiểm tra, do bị cáo sợ bị phát hiện nên bị cáo điều khiển xe mô tô đi về hướng thị trấn H, huyện Đại Từ chờ cơ hội để lấy cửa lóc đi bán nhưng không mang cửa đi bán được.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 30/11/2019, bị cáo điều khiển mô tô BKS 98M6-4631 từ thị trấn H về nhà, khi đi đến nhà anh Nguyễn Văn H, bị cáo dừng xe vào nhà anh H mua thuốc lá. Khi đi vào nhà anh H thì không thấy có ai ở nhà, cửa nhà mở nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lúc này, bị cáo phát hiện dưới kệ gỗ để hàng nhà anh H có 01 chiếc cửa lóc màu cam, nên bị cáo đã lấy chiếc cửa lóc mang ra xe mô tô rồi chở lên quán sửa chữa, mua bán cửa lóc của anh Nguyễn Văn N cầm cố được 2.200.000 đồng, sau đó bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Sau khi trộm cắp 02 chiếc cửa lóc bị cáo bị công an huyện triệu tập làm việc, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh N số tiền 2.200.000 đ để khắc phục hậu quả.

Lời khai của bị hại anh Nguyễn Văn V có trong hồ sơ ngày 30/11/2019 sau khi đi bốc gỗ lên xe tải của tôi ở trong rừng, tôi có để chiếc cửa lóc nhãn hiệu

Husqvarna 365 ở trong cabin xe ô tô tải, tôi đi xe ô tô về nhà và đỗ xe ở bãi đất trống của gia đình, sau đó xe ô tô tải của anh V (là em trai tôi) đỗ sau xe tôi, tôi vào nhà tắm rửa ăn cơm thì vợ tôi nói là thấy T chui vào cabin xe tôi, tôi ra kiểm tra thì bị mất cửa lốc, tôi đã trình báo Công an xem xét về hành vi trộm cắp, Cơ quan Công an đã truy tìm, xem xét phát hiện T đã trộm cắp cửa của tôi để dưới gầm xe của em trai tôi. Tôi xác định cửa lốc tôi đã lấy lại được tôi không yêu cầu bị cáo T bồi thường dân sự cho tôi do tôi không bị thiệt hại, tôi có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và tôi xin xét xử vắng mặt do công việc bận không tham gia phiên tòa được.

Lời khai của bị hại anh Nguyễn Văn H có trong hồ sơ ngày 30/11/2019 sau khi đi cắt gỗ tại xóm Y, xã T, huyện Đại Từ về tôi có cắt 01 chiếc cửa lốc nhãn hiệu Husqvarna 353 màu cam vào gầm tủ bán hàng tạp hóa ngoài phòng khách của gia đình tôi. Sau khi ăn cơm xong tôi có lên xóm Đ, xã T cắt cửa lốc trong cabin xe ô tô, sau khi cắt cửa xong tôi quay về nhà khoảng 21 giờ tôi phát hiện bị trộm cắp cửa lốc của gia đình, tôi đã trình báo Công an giải quyết. Cơ quan công an đã điều tra phát hiện Phạm Văn T là người trộm cắp và đã cầm cố cửa lốc của gia đình tôi tại quán nhà anh N, cơ quan Công an đã thu giữ cửa lốc trả lại cho tôi. Tôi xác định cửa lốc tôi đã lấy lại được tôi không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì cho tôi về phần dân sự do tôi đã lấy lại được tài sản, tôi có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và tôi xin xét xử vắng mặt do công việc bận không tham gia phiên tòa được.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N có trong hồ sơ: Ngày 30/11/2019 tôi đang ở nhà thì có Phạm Văn T đến nhà tôi hỏi vay tiền và có đặt chiếc cửa lốc làm tin, do tôi biết T là do trước đó T có đi cùng anh B đến nhà tôi chơi, T hỏi vay 2.200.000 đ và đặt cửa lốc tôi đồng ý, T có hẹn khoảng 3 đến 4 hôm sẽ đến lấy cửa và trả tiền nhưng tôi không thấy T đến lấy tài sản. Sau khi cơ quan Công an thông báo việc T đã trộm cắp chiếc cửa lốc của anh H và cầm cố tại quán của gia đình tôi lúc đó tôi mới biết sự việc, tôi không biết chiếc cửa trên do T trộm cắp mà có do vậy tôi đã giao nộp chiếc cửa cho cơ quan Công an để trả lại cho anh H. Về số tiền 2.200.000 đ T đã vay tôi trong quá trình điều tra tôi yêu cầu T hoàn trả lại tôi, tuy nhiên khi chuẩn bị xét xử gia đình T có bồi thường đủ cho tôi số tiền trên. Nay tôi xác định tôi đã lấy lại được số tiền 2.200.000 đ nên tôi không yêu cầu gì, tôi có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và tôi xin xét xử vắng mặt do công việc bận không tham gia phiên tòa được.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự...

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Trong ngày 30/11/2019 tại xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Phạm Văn T có hành vi trộm cắp (02 lần) tài sản của anh Nguyễn Văn H 01 chiếc cửa lốc nhãn hiệu Husqvarna 353 màu cam theo kết luận định giá có giá trị là 2.000.000 đ và của anh Nguyễn Văn V 01 cửa lốc nhãn hiệu Husqvarna 365 theo kết luận định giá có giá trị là 5.000.000 đ. Hành

vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung điều luật như sau:

**“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, trong vụ án này là tài sản của anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn V, hành vi đó không những gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương mà còn gây bất bình trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm minh mới bảo đảm được tính răn đe của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, trong quá trình xét xử bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra trong quá trình nghị án HĐXX xét tình tiết các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động nhưng bị cáo không phát huy được bản chất sẵn có của người lao động để tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội mà bị cáo lao vào con đường nghiện ma túy, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội, bị cáo có nhân thân xấu đã bị Công an thành phố Thái Nguyên khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đã bị Công an xã T, huyện Đại từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” nên cần phải xử lý nghiêm minh mới bảo đảm tính răn đe của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung.

[7] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù và buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian có như vậy mới đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không việc làm, không thu nhập ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Về dân sự: Bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận bồi thường và không có ý kiến gì về bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[10] Vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, đen BKS 98M - 4631 bị cáo khai mua lại của người không quen biết hiện tại đã bị mất đăng ký xe mô tô, xét thấy xe mô tô trên bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản cần tịch thu sung công.

Quá trình điều tra xác định, anh Nguyễn Văn N không biết chiếc cửa lóc T cầm cố là tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh N là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo.

Vật chứng: Tịch thu sung công 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, đen BKS 98M6 - 4631 (xe đã bị mất đăng ký) hiện đang bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

(tình trạng theo quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ-VKS ngày 24/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ).

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Thông báo cho UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, VT.

**ĐÀO NGỌC HÀI**